

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 4 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện “Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Kế hoạch số 130-KH/TU ngày 30/3/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về công tác dân số trong tình hình mới”; Đề án số 7-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XVI về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025; Công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030. UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng

dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 30% năm 2025; 70% năm 2030; Giảm 50% số cặp tảo hôn (số phụ nữ sinh con trước 18 tuổi), 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống vào năm 2030;

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 40% năm 2025; 60% năm 2030;

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 60% năm 2025; 80% năm 2030;

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030;

- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025 và duy trì 90% vào năm 2030;

- Phát triển dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại 01 Bệnh viện đa khoa tỉnh (hoặc Bệnh viện Sản Nhi tỉnh).

*(Chi tiết phụ biểu 01 kèm theo)*

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

**1. Phạm vi:** Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

### **2. Đối tượng**

- Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên, thanh niên; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn xã hội, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch.

**3. Thời gian thực hiện:** Thực hiện từ năm 2021 đến năm 2030.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật**

#### **1.1. Về cơ chế, chính sách**

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.

- Căn cứ vào các văn bản quy định của Trung ương ban hành, thực hiện rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng:

+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Chương trình;

+ Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản tham gia tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản.

- Xây dựng định mức hỗ trợ một phần kinh phí sàng lọc trước sinh cho phụ nữ mang thai và sàng lọc sơ sinh cho trẻ sơ sinh thuộc đối tượng ưu tiên hỗ trợ theo quy định và thực tế của địa phương.

- Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương, thực hiện xây dựng các quy định tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia tư vấn và cung cấp các dịch vụ của Kế hoạch;

- Xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

### ***1.2. Về chuyên môn kỹ thuật***

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh:

- Xây dựng danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ cơ bản: dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng danh mục mở rộng các bệnh tật ngoài gói dịch vụ cơ bản phù hợp với trình độ phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật của tỉnh;

- Rà soát, bổ sung, xây dựng quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế.

## **2. Truyền thông vận động và huy động xã hội**

- Cung cấp thông tin về các hoạt động của Kế hoạch tới chính quyền các cấp. Truyền thông, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Kế hoạch. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan tại địa phương.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống. Huy động các đoàn thể, cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số tham gia giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

### **3. Phát triển mạng lưới dịch vụ**

- Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Đầu tư hoàn thiện mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh. Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh, (kết hợp đầu tư cho công tác khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế) ưu tiên các địa bàn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật tiếp nhận, chuyển giao công nghệ y sinh phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, người cung cấp dịch vụ bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại tuyến xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa tỉnh (hoặc Bệnh viện Sản Nhi tỉnh) đủ điều kiện thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

### **4. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới**

- Nghiên cứu, xây dựng bản đồ dịch tễ đối với các bệnh tật cần sàng lọc trên phạm vi toàn tỉnh và tại các vùng, địa bàn trọng điểm.

- Phối hợp các đơn vị tuyến trung ương đưa kỹ thuật mới trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh vào thực hiện tại Lào Cai.

### **5. Huy động nguồn lực**

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

- Vận động các nguồn lực, tài trợ trong và ngoài tỉnh để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch; tăng cường hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Kinh phí thực hiện:** Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch đến năm 2025 là 36.536.000.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 19.176.000.000 đồng;

- Nguồn xã hội hóa: 17.336.500.000 đồng

(Chi tiết biểu số 02 kèm theo)

Kết thúc giai đoạn 2021-2025, tiến hành tổng kết, đánh giá và xây dựng dự toán cho giai đoạn 2026-2030 để đạt được mục tiêu đề ra.

## **2. Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình và dự án khác; bao gồm khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Huy động hợp pháp từ các tổ chức kinh tế, xã hội và các cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các ban, sở, ngành, UBMTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo từng năm, từng giai đoạn đảm bảo hiệu quả. Hằng năm, trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể, Sở Y tế xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước khi kết hôn, trước sinh, sơ sinh trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; tổ chức tập huấn về chuyên môn cho cán bộ thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan truyền thông về nội dung hoạt động của kế hoạch.

- Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của Kế hoạch; định kỳ hàng năm, giai đoạn tổng hợp báo cáo gửi về Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan huy động nguồn lực đầu tư cho các hoạt động mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

### **3. Sở Tài chính**

- Căn cứ khả năng ngân sách và các nguồn hợp pháp khác tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân

sách nhà nước; hướng dẫn các đơn vị việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Hằng năm, thẩm định dự toán chi tiết kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Kế hoạch.

#### **4. Ban Dân tộc tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan triển khai các chương trình, mô hình, đề án, dự án về giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước khi kết hôn, trước sinh, sơ sinh.

#### **6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại cộng đồng; đồng thời lồng ghép các hoạt động trong các chương trình, kế hoạch của ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao để thực hiện các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch này.

#### **7. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình của tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyên truyền, trong đó có nội dung Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh.

- Thẩm định, cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh có nội dung liên quan đến Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh của tỉnh Lào Cai.

#### **8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp với Sở Y tế tổ chức các hoạt động tuyên truyền tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, giảm tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại cộng đồng.

#### **9. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Phối hợp với Sở Y tế đưa nội dung về tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân và hệ lụy của tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vào chương trình giảng dạy

của các cấp học trong nhà trường; tăng cường công tác tuyên truyền trong các cơ sở giáo dục đào tạo.

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội**

Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động của Kế hoạch. Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn toàn tỉnh.

### **11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Cân đối bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo nội dung của Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; triển khai mô hình sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và mô hình tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân tại các xã, phường, thị trấn.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan tăng cường phối hợp và đẩy mạnh thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo kế hoạch của tỉnh và hướng dẫn của ngành Y tế.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch với các chương trình kế hoạch trên địa bàn (từ khâu xây dựng kế hoạch đến khâu tổ chức thực hiện); thực hiện chế độ báo cáo hàng năm theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch triển khai, thực hiện “Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) để kịp thời giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PCVP2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Giàng Thị Dung**